

Đăk Tô, ngày 04 tháng 9 năm 2024

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TỔ CHUYÊN MÔN
NĂM HỌC 2024-2025**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương trình GDMNban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016;

- Căn cứ Kế hoạch số 04/KH-MNBM ngày 30/8/2024 của trường Mầm non Bình Minh, kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025.

- Căn cứ Kế hoạch số 13/KH-MNCM ngày 31/8 /2024 của bộ phận chuyên môn trường Mầm non Bình Minh, năm học 2024-2025.

-Căn cứ vào tình hình thực tế của tổ. Tổ mẫu giáo 4-5 tuổi xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 với những nội dung cụ thể như sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN

1. Trẻ mầm non

STT	lớp	Tổng số HS/lớp	Nữ	HSĐT	Nữ DT	Khuyết tật	Ghi chú
1	Lớp MG 4-5 tuổi A	32	21	7	5	0	
2	Lớp MG 4-5 tuổi B	32	18	8	5	0	
3	Lớp MG ghép 3,4 tuổi khối 1	30	15	30	17	0	
Tổng		94	55	47	25	0	

- *Tỉ lệ trẻ/lớp: 32 trẻ/lớp*

-Thuận lợi, khó khăn:

+ Thuận lợi:

-Trẻ 2 lớp 4-5 tuổi tại trung tâm cùng Một độ tuổi thuận lợi cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục. Trẻ mạnh dạn, tự tin, có khả năng giao tiếp tốt.

-100% trẻ học 2 buổi/ngày thuận lợi trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

-Cha mẹ trẻ quan tâm đưa các con ra lớp đảm bảo, trang bị đầy đủ dụng cụ học tập, ngày công và nguyên vật liệu cùng nhà trường xây dựng môi trường thân thiện cho trẻ hoạt động

+ Khó khăn:

-Lớp mẫu giáo ghép 3,4 tuổi khối 1, 100% trẻ là người Dân tộc thiểu số. Số trẻ 3 tuổi lần đầu tới trường, chưa mạnh dạn, tự tin, tiếng việt chưa thành thạo, các kỹ năng còn hạn chế. Sức đề kháng thấp, nhiều trẻ suy dinh dưỡng nặng.

- Một số cha, mẹ trẻ nhận thức về mầm non chưa đúng, giao khoán cho giáo viên, phối hợp trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ còn nhiều hạn chế, chưa thường xuyên.

- Theo dõi sức khỏe trẻ: 94/94 (số trẻ được cân đo tại trường/tổng số)

Lớp	Trẻ bình thường				SDD nhẹ cân				SDD thấp còi				Thừa cân-Béo phì			
	Tổng	Tỉ lệ %	DT TS	Tỉ lệ %	Tổng	Tỉ lệ %	DT TS	Tỉ lệ %	Tổng	Tỉ lệ %	DTTS	Tỉ lệ %	Tổng	Tỉ lệ %	DTTS	Tỉ lệ %
Lớp MG 4-5 tuổi A	28	87,5 %	4	12,5 %	1	3,1 %	1	3,1%	1	3,1 %	1	3,1%	3	9,4%	2	6,2%
Lớp MG 4-5 tuổi B	28	87,5 %	7	20%	3	9,4 %	1	3,1%	2	6,2 %	0	0	1	3,1%	0	
Lớp MG ghép	22	73,3 %	22	73,3 %	8	26,7 %	8	26,7 %	8	26,7 %	8	26,7 %				

***Thuận lợi, khó khăn**

- Thuận lợi:

+ 100% giáo viên trong tổ được đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn.

+ Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, yêu nghề mến trẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ đào tạo đúng chuyên ngành và đạt trên chuẩn, có kinh nghiệm lâu năm trong nghề.

+ Giáo viên được phân công giảng dạy các lớp phù hợp với năng lực, các lớp mẫu giáo tại điểm trường trung tâm thuận tiện việc trao đổi, học hỏi kinh nghiệm trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

- Khó khăn:

+ Một số giáo viên lớn tuổi hạn chế về ứng dụng công nghệ thông tin, chưa sáng tạo, linh hoạt trong lập kế hoạch cũng như công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Một số giáo viên chưa cầu tiến, chưa linh hoạt, chưa tự tin trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

+ Một số giáo viên còn lúng túng trong việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non cũng như kinh nghiệm trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

1. Trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi (lớp mẫu giáo ghép 3,4 tuổi khối 1)

1.1. Mục tiêu chung

- Phát triển thể chất:

+ Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

+ Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ

+ Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

+ Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

+ Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

+ Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.

+ Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

- Phát triển thể chất:

+ Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

+ Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

+ Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

+ Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

+ Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

- Phát triển ngôn ngữ:

+ Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

+ Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

+ Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.

+ Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

+ Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

+ Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

- Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội:

+ Có ý thức về bản thân.

+ Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

+ Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

+ Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

+ Thực hiện một số quy tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

- Phát triển thẩm mỹ:

+ Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

+ Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

+ Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp..

1.2 Nội dung và Kết quả mong đợi cuối độ tuổi trẻ 3-4 tuổi (theo chương trình GDMN)

*** Nội dung giáo dục theo độ tuổi**

TT	Lĩnh vực		Nội dung	
1	Giáo dục phát triển thể chất	1. Phát triển vận động	1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lung, bụng, lườn: + Cúi về phía trước.

				<ul style="list-style-type: none"> + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.
			<p>2. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: + Đi kiễng gót. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc. + Đi trong đường hẹp. - Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc. + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước. + Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm). - Tung, ném, bắt: + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. - Bật - nhảy: + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước.

				+ Bật xa 20 - 25 cm.
			3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ	<ul style="list-style-type: none"> - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc.
	2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt			<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. 	
3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn			<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. 	

				- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
2	Giáo dục phát triển nhận thức	Khám phá khoa học	1. Các bộ phận của cơ thể con người	hức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
			2. Đồ vật: Đồ dùng, đồ chơi Phương tiện giao thông	Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.
			3. Động vật và thực vật	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
			4. Một số hiện tượng tự nhiên: Thời tiết, mùa Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng Nước Không khí, ánh sáng, Đất đá, cát, sỏi	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
		2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - 1 và nhiều. - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.

			2. Xếp tương ứng	Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi.
			3. So sánh, sắp xếp theo quy tắc	- So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ.
			4. Đo lường	
			5. Hình dạng	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.
			6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian	Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.
			3. Khám phá xã hội	1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng
		2. Một số nghề trong xã hội		Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.
3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa	Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.			
3	Giáo dục phát triển ngôn ngữ	1. Nghe	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	
		2. Nói	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.	

			<ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Kể lại sự việc. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
		<p>3. Làm quen với đọc, viết</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách.
4	<p>Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội</p>	<p>1. Phát triển tình cảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thức về bản thân - Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, 	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích. - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.

		<p>sự vật và hiện tượng xung quanh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
		<p>2. Phát triển kỹ năng xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội - Quan tâm đến môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Chờ đến lượt. - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Chơi hòa thuận với bạn. - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. - Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
5	Giáo dục phát triển thẩm mỹ	<p>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật</p> <p>2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình[</p>	<p>Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.

			<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Nhận xét sản phẩm tạo hình.
		3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm của mình.

*** Kết quả mong đợi theo độ tuổi**

TT	Lĩnh vực		Kết quả mong đợi	
1	Giáo dục phát triển thể chất	1. Phát triển vận động	1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động			2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m. 2.2. Kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài. 2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	

			<p>2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.
		<p>3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt</p>	<p>3.1. Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau. <p>3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tụ cài, cởi cúc.
	<p>2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</p>	<p>1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</p>	<p>1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).</p> <p>1.2. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...</p> <p>1.3. Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</p>

			<p>2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</p>	<p>2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo... <p>2.2. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.</p>
			<p>3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</p>	<p>3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở:</p> <p>uống nước đã đun sôi...</p> <p>3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giầy khi đi học. <p>Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.</p>
			<p>4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</p>	
2	Giáo dục phát triển nhận thức		<p>1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng</p>	<p>1.1. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.</p>

		<p>1. Khám phá khoa học</p>		<p>1.2. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.</p> <p>1.3. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.</p> <p>1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.</p> <p>1.5. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.</p>
			<p>2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</p>	<p>Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.</p>
			<p>3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</p>	<p>3.1. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.</p> <p>3.2. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...</p>
		<p>2. Làm quen với một số khái niệm sơ</p>	<p>1. Nhận biết số đếm, số lượng</p>	<p>1.1. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.</p> <p>1.2. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.</p>

		<i>đăng về toán</i>		<p>1.3. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p> <p>1.4. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.</p> <p>1.5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.</p>
		2. Sắp xếp theo quy tắc	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	
		3. So sánh hai đối tượng	So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	
		4. Nhận biết hình dạng	Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	
		5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	
		3. Khám phá xã hội	1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	<p>1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>1.2. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.</p> <p>1.3. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</p> <p>1.4. Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p>

		2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.
		3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh	3.1. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh. 3.2. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.
3	Giáo dục phát triển ngôn ngữ	1. Nghe hiểu lời nói	1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”. 1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả... 1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.
		2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	2.1. Nói rõ các tiếng. 2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... 2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép. 2.4. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,.. 2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... 2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. 2.7. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. 2.8. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa,... trong giao tiếp. 2.9. Nói đủ nghe, không nói lý nhí.

		3. Làm quen với việc đọc - viết	<p>3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giới thiệu sách xem tranh.</p> <p>3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.</p> <p>3.3. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.</p>
4	Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	1. Thể hiện ý thức về bản thân	<p>1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.</p> <p>1.2. Nói được điều bé thích, không thích.</p>
		2. Thể hiện sự tự tin, tự lực	<p>2.1. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.</p> <p>2.2. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).</p>
		3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	<p>3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.</p> <p>3.2. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.</p> <p>3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.</p> <p>3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.</p>
		4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	<p>4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.</p> <p>4.2. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...</p> <p>4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.</p> <p>4.4. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.</p>

		5. Quan tâm đến môi trường	5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. 5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.
5	Giáo dục phát triển thẩm mỹ	1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. 1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện. 1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
		2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	2.1. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. 2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). 2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. 2.4. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. 2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. 2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.

			2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. 2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.
		3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	3.1. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc. 3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. 3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

2. Độ tuổi 4-5 tuổi.

2.1 Mục tiêu chung

- Phát triển thể chất:

- + Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- + Có một số tổ chức vận động nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- + Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- + Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động, vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- + Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- + Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- + Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

- Phát triển nhận thức:

- + Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- + Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- + Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- + Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (Bằng hành động, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- + Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

- Phát triển ngôn ngữ:

- + Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- + Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...)

- + Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày.
- + Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- + Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca giao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- + Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.

- Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội :

- + Có ý thức về bản thân.
- + Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- + Có một số phẩm chất cá nhân : Mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- + Có một số kĩ năng sống, tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- + Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

- Phát triển thẩm mỹ:

- + Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- + Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- + Yêu thích, háo hức tham gia các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

Nội dung và Kết quả mong đợi trẻ 4-5 tuổi (theo chương trình GDMN)

a) Phát triển vận động

TT	NỘI DUNG	TT	KẾT QUẢ MONG ĐỢI
1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	<p>- Hô hấp: Hít vào, thở ra.</p> <p>Tay:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). <p>- Lưng, bụng, lườn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. 	1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.

	<ul style="list-style-type: none"> + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối 		
<p>2. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: + Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m - Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m. + Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 gióng thang. - Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. 	<p>2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động</p>	<p>2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. <p>2.2. Kiểm soát được vận động:</p> <p>Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc).</p> <p>2.3. Phối hợp tay- mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp. <p>2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.

	<ul style="list-style-type: none"> + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Bật - nhảy: + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. + Nhảy lò cò 3m. 		
3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ	<ul style="list-style-type: none"> - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây. 	3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt	<p>3.1. Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay. <p>3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.

b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

TT	NỘI DUNG	TT	KẾT QUẢ MONG ĐỢI
1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. 	1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng	<p>1.1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thịt, cá,... có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.

thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	<p>Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). 	đối với sức khỏe	<p>1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...</p> <p>1.3. Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.</p>
2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	<p>Tập đánh răng, lau mặt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng - Đi vệ sinh đúng nơi quy định 	2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	<p>2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. <p>2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.</p>
3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. 	3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	<p>3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã. <p>3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giấy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.

		<p>4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</p>	<p>4.1. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.</p> <p>4.2. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.</p> <p>4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. <p>4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
--	--	---	--

3. Giáo dục phát triển nhận thức

TT	NỘI DUNG		KẾT QUẢ MONG ĐỢI
1. Các bộ phận của cơ thể con người	Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng	<p>1.1. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướt?....</p> <p>1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</p> <p>1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.</p> <p>1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.</p> <p>1.5. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.</p>
2. Đồ vật: <i>Đồ dùng, đồ chơi</i>	Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải	<p>2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”</p> <p>2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.</p>

<p><i>Phương tiện giao thông</i></p>	<p>- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</p> <p>So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi.</p> <p>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.</p> <p>Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.</p>	<p>quyết vấn đề đơn giản</p>	
<p>3. Động vật và thực vật</p>	<p>- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.</p> <p>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.</p> <p>- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.</p> <p>- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.</p> <p>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.</p>	<p>3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</p>	<p>3.1. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.</p> <p>3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...</p>
<p>4. Một số hiện tượng tự nhiên: <i>Thời tiết, mùa</i></p>	<p>Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.</p>		

<p><i>Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng</i></p>	<p>Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.</p> <p>Sự khác nhau giữa ngày và đêm.</p>		
<p><i>Nước</i></p>	<p>Các nguồn nước trong môi trường sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. <p>Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.</p>		
<p><i>Không khí, ánh sáng,</i></p>	<p>Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</p>		
<p><i>Đất đá, cát, sỏi</i></p>			

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.

TT	NỘI DUNG	TT	KẾT QUẢ MONG ĐỢI
<p>1. Tập hợp, số lượng, số</p>	<p>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. [47] Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5</p>	<p>1. Nhận biết số đếm, số lượng</p>	<p>1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?... 1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. 1.3. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p>

thứ tự và đếm	<ul style="list-style-type: none"> - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...). 		<ul style="list-style-type: none"> 1.4. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. 1.5. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn. 1.6. Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự. 1.7. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
2. Xếp tương ứng	Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi.	2. Sắp xếp theo quy tắc	Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại
3. So sánh, sắp xếp theo quy tắc	So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	3. So sánh hai đối tượng	Sử dụng được [71] dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.
4. Đo lường	<ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo 	4. Nhận biết hình dạng	<ul style="list-style-type: none"> 4.1. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...). 4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.
5. Hình dạng	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. 	5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	<ul style="list-style-type: none"> 5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. 5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.
6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. 		

c) Khám phá xã hội

TT	NỘI DUNG	TT	KẾT QUẢ MONG ĐỢI
1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng	<p>- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.</p> <p>- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.</p> <p>- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.</p> <p>- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.</p>	1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	<p>1.1. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>1.2. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</p> <p>1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện</p> <p>1.4. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>1.5. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p>
2. Một số nghề trong xã hội	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.
3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước	3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh	<p>3.1. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.</p> <p>3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.</p>

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

TT	NỘI DUNG	TT	KẾT QUẢ MONG ĐỢI
1 Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi 	1. Nghe hiểu lời nói	<ul style="list-style-type: none"> 1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”. 1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ... 1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại
2. Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?. - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại truyện đã được nghe. 	2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	<ul style="list-style-type: none"> 2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được. 2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... 2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. 2.4. Kể lại sự việc theo trình tự. 2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... 2.6. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc. 2.7. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. 2.8. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp. 2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.

3. Làm quen với đọc, viết	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách. 	3. Làm quen với việc đọc - viết	<ul style="list-style-type: none"> 3.1. Chọn sách để xem. 3.2. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. 3.3. Cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẽ”). 3.4. Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,.. 3.5. Sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..
----------------------------------	---	--	---

4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

a) Phát triển tình cảm.

TT	NỘI DUNG	TT	KẾT QUẢ MONG ĐỢI
1. Phát triển nh cảm <i>- Ý thức về bản thân</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, tuổi, giới tính. - Sở thích, khả năng của bản thân. 	1. Thể hiện ý thức về bản thân	<ul style="list-style-type: none"> 1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ. 1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.

<p>- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.</p>	<p>- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.</p>		
	<p>- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.</p> <p>- Kính yêu Bác Hồ.</p> <p>- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</p>	<p>2. Thể hiện sự tự tin, tự lực</p>	<p>2.1. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.</p> <p>2.2. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).</p>
<p>2. Phát triển kỹ năng xã hội</p> <p>- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</p>	<p>- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).</p> <p>- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.</p> <p>- Chờ đến lượt, hợp tác.</p> <p>- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.</p> <p>- Quan tâm, giúp đỡ bạn.</p>	<p>3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</p>	<p>3.1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.</p> <p>3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.</p> <p>3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.</p> <p>3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.</p> <p>3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</p>

- Quan tâm đến môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. - Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. 		
		4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	<p>4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.</p> <p>4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.</p> <p>4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.</p> <p>4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.</p> <p>4.5. Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).</p>
		5. Quan tâm đến môi trường	<p>5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.</p> <p>5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.</p> <p>5.3. Không bẻ cành, bứt hoa.</p> <p>5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.</p>

5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

TT	NỘI DUNG		KẾT QUẢ MONG ĐỢI
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	<p>1.1. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.</p> <p>1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện</p> <p>1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.</p>

<p>2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét. 	<p>2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình</p>	<ol style="list-style-type: none"> 2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ... 2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa). 2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. 2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. 2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục 2.6. Làm lổm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. 2.7. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau. 2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.
<p>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. 	<p>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</p>	<ol style="list-style-type: none"> 3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. 3.2. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. 3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. 3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.		
--	----------------------------------	--	--

3. Kế hoạch thực hiện

3.1. Khung thời gian thực hiện chương trình Giáo dục năm học 2024-2025. và kế hoạch dạy học các lĩnh vực theo độ tuổi

- Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
1	Thời gian tựu trường	26/8/2024	
2	Khai giảng	5/9/2024	
3	Học kỳ I	Từ ngày 5/9/2024 đến trước ngày 18/01/2025	Gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác
4	Học kỳ II	Từ ngày 18/01/2024 đến trước ngày 23/05/2025	Gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác
5	Tổng kết năm học	Trước ngày 30/05 /2025	

- Kế hoạch hoạch giáo dục năm, tháng, tuần

+ Kế hoạch hoạch giáo dục năm, tháng (có phụ lục kèm theo)

+ Kế hoạch triển khai thực hiện tuần

LỚP MG 4-5 TUỔI

Tuần	Thời gian	Giờ học	Chơi ngoài trời	Hoạt động góc	Các giờ sinh hoạt

		PTVĐ	KP	LQVT	Văn học	Âm nhạc	Tạo hình	LQC C	Lồng ghép giờ học			TDS	TCS	Giờ ăn	HĐ Chiều	Vệ sinh
1	9/9 - 13/9 Trường Mầm non	HD PTVĐ Đi trên ghế thể dục.	KPXH Công việc của các cô cấp dưỡng	H Đ LQVT Đếm đến 2, nhận biết các nhóm có 2 đối tượng, nhận biết chữ số 1, 2	H Đ LQVH Thơ: cô và mẹ (6/9)	GDÂN Trường chúng cháu là trường mầm non	HĐTH Tô màu cô giáo và các bạn		*CS33: <i>Nói tên và công việc của cô giáo, các cô bác trong trường khi được hỏi, trò chuyện</i>			*CS9: <i>Thực hiện được các vận động: cuộn-xoay tròn cổ tay, gập mở các ngón tay</i>	Không được ra khỏi trường khi không được sự cho phép của cô giáo. (Lồng ghép dinh dưỡng)		*CS32: <i>Nói tên địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi trò chuyện</i>	
2	16/9 - 20/9 Vui tết trung thu	HD PTVĐ Bò chui qua cổng+ Đi trên ghế thể dục	KPXH Lồng đèn trung thu	H Đ LQVT Đếm đến 3, nhận biết các nhóm có 3 đối tượng, nhận biết chữ số 3	LQVH Đồng giao: Dung dăng dung dè		HĐTH Tô màu: lồng đèn trung thu		*CS63: <i>Chú ý khi cô, bạn nói</i>	*CS21: <i>Không chơi ở nơi mất vệ sinh, nguy hiểm</i>	Quan tâm giúp đỡ bạn.	- Phát triển các nhóm cơ và hô hấp (theo chương trình). Đi bằng gót chân, đi				Đi vệ sinh đúng nơi quy định.

3	23/9 - 27/9 Lớp MG của bé	HD PTVĐ Bật xa 35 - 40cm	KPKH Lớp Mg 4-5 tuổi A	H Đ LQVT So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 3	H Đ LQVH Thơ: Cô dạy	GDÂN Vui đến trường			*CS34: <i>Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện</i>	-An toàn khi sử dụng đồ chơi trong lớp, ngoài trời (Lồng ghép dinh dưỡng)	Tự chọn trò chơi, đồ chơi theo ý thích.	khuyu gối. (Kết hợp trong phần khởi động).	*CS23 : <i>Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</i>	Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	
4	30/9 - 04/10 Đồ dùng, đồ chơi của lớp	HD PTVĐ Ôn 3 vận động Bật xa 35 - 40cm + Đi trên ghế thể dục + Bò chui qua cổng	KPXH Quả bóng		H Đ LQVH Câu bé mũi dài (Tiết 1)	GDÂN Tay thơm tay ngoan	HĐTH Vẽ bàn tay		*CS57: <i>Nói được những điều bé thích và những việc gì bé có thể làm được.</i> - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	.				CS20: <i>Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.</i> - Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt đánh răng. (Lồng ghép dinh dưỡng)

5	07/10 - 11/10 Bé là ai	HD PTVD Ném xa bằng 1 tay.	KPKH Bé là ai?	H Đ LQVT Gộp hai nhóm đôi tượng tạo số lượng 3 và đếm.	H Đ LQVH Truyện: Cậu bé mũi dài (Tiết 2)		HDTH Nặn cái bát		*CS30: <i>Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện * Làm lõm, đổ bệt, bẻ loe đất nặn để tạo thành sân phẩm có nhiều chi tiết;</i>							Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.	Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học
6	14/10 - 18/10 Cơ thể của bé	HD PTVD *CS7: <i>Bò trong đường dịch đặc qua 3-4 điểm.</i>	KPKH Thính giác	H Đ LQVT Tách 3 đôi tượng thành 2 nhóm nhỏ và đếm.	H Đ LQVH Yêu mẹ	GDÂN Mẹ yêu không nào			- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.	In chân, in tay						Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng,	* CS22: <i>Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, sốt</i>

7	21/10 - 25/10 Người thân trong gia đình	HD PTVD Đi thay đổi tóc độ theo hiệu lệnh + Ném xa bằng 1 tay	KPXH Mẹ của bé	HD: LQVT Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới)		GDÂN Mẹ yêu không nào	HĐTH Vẽ Ngôi nhà		*CS31: <i>Nói được tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.</i> - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.		*CS62 <i>: Thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cát đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.</i>

béo phì).			
	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).	.	

8	28/10 - 01/11 Ngôi nhà thân yêu	HD PTVĐ Ôn 3 vận động - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Bò trong đường dích dắc qua 3-4 điểm+ Ném xa bằng 1 tay	KPKH Địa chỉ nhà bé		H Đ LQVH Thơ: Ngôi nhà của em	GDÂN Nhà của tôi	HDTH In hoa từ rau củ		- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.				CS14: <i>Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau</i>	*CS25: <i>Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc</i>
9	04/11 - 03/11 Đồ dùng trong gia đình	HD PTVĐ Bật – nhảy từ trên cao xuống	KPKH Quạt điện	H Đ LQVT Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân (phía phải - phía trái).	H Đ LQVH Thỏ con không vâng lời (T1)		HDTH Xé dán quả. (Đề tài)		*CS45: <i>Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.</i> - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ	-Tiết kiệm điện: tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.			*CS17: <i>Tự cảm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.</i>	

									biểu cảm		
10	11/11 - 15/11 Nghề nông	HĐ PTVĐ Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn + Bật, nhảy từ trên cao xuống	KPXH Sản phẩm của bác nông dân	H Đ LQVT Xác định được vị trí của đồ vật so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới).	H Đ LQVH Thò con không vâng lời (T2)	GDÂN Năng sớm			*CS53: <i>Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.</i>		- Giữ gìn, bảo vệ sách.
11	18/11 - 22/11 <i>Ngày hội của thầy, cô giáo</i>	HĐ PTVĐ *CS5: <i>Tự đập, bắt bóng được 4- 5 lần liên tiếp.</i>	KPXH Ngày hội của thầy, cô giáo.	H Đ LQVT Xác định được vị trí của đồ vật so với bạn khác (phía phải - phía trái).		GDÂN Bé ăn thật ngon.	HĐTH Gấp ví hai ngăn		- Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.		*CS58 <i>:Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).</i>

- Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.			* CS15: <i>Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng.</i>

12	25/11 - 29/11 Nghề xây dựng	HĐ PTVĐ Ôn 3 vận động: Bật, nhảy từ trên cao xuống - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Tự đập bắt bóng,	KPXH Công việc của cô, chú thợ xây.		H Đ LQVH Thơ: Cô giáo của em	GDÂN Cả tuần đều ngoan	HĐTH Vẽ con bướm.			* CSI: <i>Giữ được thăng bằng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.</i>			- Không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.	*CS46: <i>Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng".</i> - Phân biệt hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".	
13	02/12 - 06/12 Nghề bán hàng	HĐ PTVĐ Tung bóng lên cao và bắt	KPXH Công việc của cô, chú bán hàng.	H Đ LQVT Ghép đôi.	H Đ LQVH Thơ: Xe chữa cháy		HĐTH Nặn: các loại quả		* CS74: <i>Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích</i>					*CS59: <i>Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ.</i> - Phân biệt được phần mở	*CS16 <i>: Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn</i>

14	09/12 - 13/12 Nghề Y	HD PTVD Ném trúng đích ngang	KPXH Bác sĩ nhi khoa		H Đ LQVH Truyện: Cáo, thỏ và gà trống (T1)	HDGD ÂN Chú thỏ con	HĐTH Vẽ: Con gà			- Chạy chậm 60 - 80 m .	*CS11 : <i>Xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối</i>
15	16/12 - 20/12 Bộ đội	HD PTVD Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Ném trúng đích ngang	KPXH Ngày hội của cô, chú bộ đội	H Đ LQVT Đếm đến 4, nhận biết các nhóm có 4 đôi tượng, nhận biết chữ số 4	H Đ LQVH Truyện: Cáo, thỏ và gà trống (T2)	GDÂN Chú bộ đội			*CS47: <i>Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.</i>	'- Giữ gìn vệ sinh môi trường .	.

		đầu, kết thúc của cuốn sách.	
		*CS60: <i>Biết biểu lộ một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.</i>	
	*CS18: <i>Có một số hành vi tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tón, nhai kĩ, không cười đùa khi ăn.</i>	'- "Đọc" truyện qua các tranh vẽ	

16	23/12 - 27/12 Một số con vật nuôi trong gia đình	HD PTVĐ *CS3: <i>Tung bắt bóng với người đối diện</i>	KPKH Con gà trống		H Đ LQVH Thơ: Chú gà trống nhỏ	GDÂN Gà trống mèo con và cún con	HĐTH Cắt, dán con gà.		- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.		*CS69 <i>: Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.</i>
17	30/12 - 03/01/ 2025 Một số con vật sống trong rừng	HD PTVĐ Ôn 3 vận động: Tung bắt bóng với người đối diện - Ném trúng đích ngang -	KPKH Con khi	H Đ LQVT So sánh số lượng các nhóm đối tượng trong		GDÂN Con chim non	HĐTH Nặn con vật bé thích. (Đề tài)		* CS72: <i>Vượt nhón, uốn cong đất nặn để tạo thành sản phẩm có nhiều chi tiết.</i>		*CS28: <i>Phân loại các đối tượng theo một hoặc 2 dấu hiệu</i>

	*CS54 <i>: Sử dụng các từ như: mời cô, mời bạn, cảm ơn, chào hỏi xin lỗi trong giao tiếp.</i>	- Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	

		Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh (HĐNT)		phạm vi 4.					- Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.					
18	06/01 - 10/01 Một số con vật sống dưới nước	HĐ PTVĐ Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m	KPKH Con cua	H Đ LQVT Gộp hai nhóm đối tượng tạo số lượng 4, đếm.	H Đ LQVH Đồng dao: Lộn cầu vòng		HĐTH Vẽ con vật bé thích (Đề tài)			<i>*CS6: Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây</i>	<i>*CS51 Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...</i>		- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.	
19	13/01 - 17/01 Một số con Côn trùng	HĐ PTVĐ Trườn theo hướng thẳng + Tung bóng lên cao và bắt	KPKH con bướm	H Đ LQVT Tách 4 đối tượng thành 2 nhóm nhỏ và đếm.		GDÂN Con cào cào	HĐTH Vẽ theo ý thích		<i>*CS67: Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng</i>		<i>*CS65 : Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn cùng thực hiện hoạt</i>			

									<i>hát, nét mặt, điệu bộ.</i>		<i>động chung (chơi, trực nhật)</i>
20	20/01 - 24/01 <i>Vui Tết Nguyên Đán</i>	HD PTVĐ Bò bằng bàn tay và bàn chân - Tung bóng lên cao và bắt - Trườn theo hướng thẳng	KPXH Một số món ăn ngày tết	HD: LQVT Nhận ra qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc(3 đối tượng)	LQVH Thơ: Bé chúc tết		HDTH Xé dán ông mặt trời		*CS 42: <i>Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.*</i>		
21	10/02 - 14/02 Cây xanh	HD PTVĐ *CS4: <i>Ném trúng đích dùng bằng 1 tay</i>	KPKH Cây xà cừ	HD: LQVT Hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật	LQVH Truyện Dê con nhanh trí (T1)	GDÂN Em yêu cây xanh			*CS 44: <i>So sánh sự khác nhau của các hình: Hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.</i> - Kể lại truyện	- Không bẻ cành, hái hoa.	

											*CS19: <i>Bỏ rác đúng nơi quy định.</i>
											*CS12: <i>Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày</i>
											- Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ, không uống rượu, bia, cà phê;

									đã được nghe.						
22	17/02 - 21/02 Một số loại hoa	HD PTVĐ Bật liên tục về phía trước + Bật nhảy từ trên cao xuống	KPKH Hoa cúc		H Đ LQVH Đê con nhanh trí (T2)	GDÂN Hoa trường em	HĐTH Vẽ vườn hoa		*CS29: <i>Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau của đồ vật, cây cối, con vật gần</i> - Đóng kịch - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó					- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	*CS50: <i>Kể lại sự việc theo trình tự.</i>
23	24/2 - 28/02 Một số loại quả	HD PTVĐ Tròn theo hướng thẳng + Bật liên tục về phía trước + Ném	KPKH Quả cam	HD: LQVT Chắp ghép các hình hình học để tạo thành		GDÂN Cháu vẽ ông mặt trời	HĐTH Vẽ một số loại quả		CS66: <i>Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. gửi.</i> - Vui sướng, vỗ tay,	* CS 8: <i>Nhảy lò cò 3m.</i>	- Chọn sách để xem.			- Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được	

		trúng đích đứng bằng 1 tay		hình mới.				làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi ngắm nhìn vẻ đẹp của tác phẩm nghệ thuật				nhắc nhở: không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt,...	
24	03/3 - 07/3 <i>Ngày hội 8/3</i>	HD PTVD Chuyên, bắt bóng qua đầu.	KPXH Ngày hội của bà, mẹ và cô giáo 8/3		H Đ LQVH Thơ: Lời chúc của bé.	GDÂN Chiếc khăn tay	HĐTH Vẽ theo ý thích	- CS 68: <i>Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)</i>				- Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Không uống nước lã	*CS 13: <i>Nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, kho, rán, ... gạo nấu</i>

									<i>quả đo và so sánh.</i> - Lăn dài, lăn tròn, ấn dẹt.		<i>chúc mừng.</i>		
26	17/3 - 21/3 Một số phương tiện giao thông đường bộ	HD PTVĐ Bật qua vật cản cao 10 - 15cm + Ném trúng đích bằng 1 tay	HD: KPKH Xe ô tô		H Đ LQVH Thơ: Chúng em học luật giao thông	HD: GDÂN Em đi qua ngã tư đường phố	HĐTH Vẽ ô tô		<i>Cs 64: Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.</i>	CS 2: <i>Chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu theo vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dặc)</i>	- Lắp ghép hình.		- Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống (biển báo giao thông: đường dành cho người đi bộ).
27	24/3 - 28/3 Phương tiện giao thông đường thủy.	HD PTVĐ Ôn 3 vận động Bật qua vật cản - chuyền và bắt bóng qua	KPKH Thuyền buồm	HD: LQVT Đo độ dài hai đối tượng bằng một		HD: GDÂN Em đi chơi thuyền	HĐTH Gấp máy bay		- CS 48: <i>Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.</i> *CS 75: <i>Đặt tên</i>				* CS 52: <i>Kể chuyện có mở đầu, kết thúc</i>

				trong phạm vi 5						các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống.	
30	14/4 - 18/4 Ngày và đêm	HĐ PTVĐ Đi thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu theo vật chuẩn	KPKH Ban ngày		H Đ LQVH Truyện: Bác gấu đen và hai chú thỏ (T2)	GDÂN Con chim non	HĐTH In hoa bằng dầu vân tay		*CS 70: <i>Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục;</i>	- Biết được không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với đời sống con người, con vật và cây cối.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.

											- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.

		vận động đúng tín hiệu theo vật chuẩn (HĐNT)									
33	05/5 - 09/5 Một số di tích lịch sử, cảnh đẹp ở Đăk Tô	HD PTVĐ - Trèo lên, xuống 5 giống thang.	KPXH Tượng đài chiến thắng Đăk tô – Tân cảnh.	H Đ LQVT Tách 5 đôi tượng thành 2 nhóm nhỏ bằng các cách khác nhau, đếm.	HD: LQVH Thơ: Đồng lúa	HD: GDÂN Mùa hè đến			<i>*CS 36: Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp di tích lịch sử ở địa phương</i> <i>*CS 40: Tách một nhóm đôi tượng thành 2 nhóm nhỏ.</i>		

											<i>*CS 55: Cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh mình họa.</i>

34	12/5 - 16/5 Bác Hồ kính yêu	HD PTVD Bật tách chân, khép chân qua 5 ô	KPXH: Bác Hồ kính yêu	H Đ LQVT Đếm đến 10 và đếm theo khả năng.		HD: LQVH Thơ: Ảnh Bác	HĐTH Cắt, dán con cá (đề tài)	*CS 61: <i>Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ</i> *CS 37: <i>Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.</i> *CS 73: <i>Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, bố cục</i> - Cắt theo đường thẳng, đường vòng cung,..	- Nhận dạng một số chữ cái.							
35	19/5 - 23/5 Ngày hội Bé vào hè	HD PTVD Ôn 3 vận động: Bật tách chân,	KPXH: Ngày hội bé vào hè	H Đ LQVT So sánh số lượng		HD: GDÂN Mùa hè đến	HĐTH Xé, dán những dãy núi.	*CS 35: <i>Kể tên và nói hoạt động của một</i>								

khép
chân qua
5 ô +
Tung
bóng lên
cao và
bắt+
Trèo qua
5 giống
thang.

của 2
nhóm
đối
tượng
trong
phạm
vi 10

số ngày
lễ hội
*** CS**
38: So
sánh số
lượng
của 2
nhóm
đối
tượng
trong
phạm vi
10 bằng
các
cách
khác
nhau và
nói
được
các từ:
bằng
nhau,
nhiều
hơn, ít
hơn.
*** CS 71:**
Xé theo
đường
thẳng,
đường
cong...v
à dán
thành
sân
phẩm có
màu sắc
bố cục;

									- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.					
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

LỚP MG GHÉP 3,4 TUỔI KHỐI 1

Tuần	Thời gian	Giờ học								Chơi ngoài trời	Hoạt động góc	Các giờ sinh hoạt					
		PTVĐ	KP	Toán	Văn học	Âm nhạc	Tạo hình	LQ CC	Lồng ghép giờ học			Trò chuyện sáng	TD S	Giờ ăn	HD Chiều	Vệ sinh	
1	06 - 13/9	Đi trên ghế thể dục.	KPXH Trường MN của bé	Đếm đến 2, nhận biết các nhóm có đối tượng 2, nhận biết chữ số 1, 2	Thơ: Bạn mới (6/9)	Cháu đi mẫu giáo	Tô màu tranh lớp học của bé				CS 2,4: Thực hiện được các vận động: cuộn xoay tròn cổ tay, gập mở các ngón tay					Các hoạt động của trẻ ở trường	
2	16 - 20/9	- Ném xa bằng 1 tay + Đi trên ghế thể dục	KPKH Lồng đèn giấy	- Đếm đến 3, nhận biết các nhóm có đối tượng 3, nhận biết chữ số 3	Đồng dao: Chi chi chành chành		Tô màu bán hàng thu		- Tiết kiệm điện: tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.		- Đi trên ghế thể dục. AT: Cách chơi an toàn tại các khu vực chơi trong trường.				CS 11: Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo CS 8: Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp (3T)		

3	23 - 27/9	Tung bóng lên cao và bắt bóng	KPXH Lớp MG của bé	So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 3	Thơ: Lên bốn	Lời chào buổi sáng			CS 17: * Nói đủ nghe không nói lí nhí (3T)	- Phòng bệnh cho bản thân	- Tự chọn trò chơi, đồ chơi theo ý thích.	
4	30/9 - 4/10	Ôn 3 VĐ: Ném xa bằng 1 tay; Đi trên ghế thể dục; Tung bóng lên cao và bắt bóng	KPKH quả bóng		Truyện: Chú vịt xám (Tiết 1)	Vui đến trường	Vẽ đường đi (Đề tài)				- Lắp ghép hình.	CS 18: tự ý uống thuốc khi k Sử dụng các từ như: mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin

Tập luyện một số thói quen và giữ gìn sức khỏe tốt (Ăn chín uống sôi, ăn nhiều lượn g mở sẽ bị béo phì)	Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn	SK: Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt đánh răng
DD: Nhận ra các món ăn, bữa ăn, cách ăn và lợi ích của thực phẩm	Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	Đi vệ sinh đúng nơi quy định. SK: Thực hiện vệ sinh tay sạch sẽ trước và sau khi ăn.

											lỗi trong giao tiếp CS 14: Sử dụng các từ vâng, ạ, dạ, thưa,... trong giao tiếp. (3T) - Không được phép của người lớn	khi ăn uống đủ lượng và đủ chất
5	7 - 11/10	- Ném xa bằng 2 tay	KPXH Bé là ai	-Gộp hai nhóm đối tượng 3 và đếm.	Truyện: Chú vịt xám (Tiết 2)	Nặn viên phấn màu (Mẫu)	CS 23: Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu	CS 6, 9: Không chơi ở nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. (3,4T)	- Quan tâm giúp đỡ bạn LG: Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	CS 12, 9: * Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc (3,4T)	SK: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học	

									đơn, câu ghép			
6	14 - 18/10	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Tung bóng lên cao và bắt bóng	KPKH Cái mũi xinh xinh	- Tách 3 nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ và đếm.	Thơ: Chia bánh	Ồ sao bé không lắc			CS 32: <i>Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối (3T)</i> SK: Không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn	- Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m	SK: Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, cách đánh răng, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người	
7	21 - 25/10	CS 3: <i>Bò trong đường đích đặc qua 3-4 điểm, không chệch ra ngoài</i>	KPXH Mẹ của bé		Thơ: Cô dạy	Múa cho mẹ xem	Vẽ chùm bống bay (Đề tài)		CS 34. <i>Nói được tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.</i> CS 25. <i>Nói được tên của bố, mẹ và các</i>		- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	

	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.	CS 9,6.. <i>Không chơi ở nơi mất vệ sinh, nguy hiểm</i>
CS 7: <i>Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ</i>		

									<p><i>thành viên trong gia đình (3T)</i></p> <p>- Nói được tên, tuổi, giới tính, của bản thân, tên bố, tên mẹ; sở thích, khả năng của bản thân</p> <p>DD - SK: Các loại thực phẩm lành mạnh, tốt cho sức khỏe. (Rau, củ, quả, hải sản,...)</p>				<p><i>thức ăn.</i></p> <p>CS 5: <i>Sử dụng bát, thìa đúng cách (3T)</i></p>
8	28/10 - 1/11	<p>Ôn 3 VD: Đi trên ghế thể dục; Ném xa bằng 2 tay; Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh</p>	<p>KPXH Công việc của các thành viên trong gia đình bé</p>		<p>Truyện: Chú dê đen (Tiết 1)</p>	<p>Bé quét nhà</p>	<p>In hoa từ rau, củ, quả (Đề tài)</p>	<p>- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.</p> <p>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu</p>	<p>CS 27: <i>Thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn,</i></p>	<p>- AT: Tên của bản thân, cách gọi người giúp đỡ khi đi lạc hay gặp nguy hiểm</p>	<p>- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm</p>	<p>SK: Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng</p>	

									<p><i>CS 16: Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện</i></p> <p>AT: Nhận ra và tránh một số vật dụng gây nguy hiểm (bàn là, đép đang đun, phích nước nóng,..) khi được nhắc nhở</p>				
10	11 - 15/11	- Bật xa + Ném xa bằng 2 tay	KPXH 1 số công việc của nghề nông	Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới)	Thơ: Xe chữa cháy	Chiếc khăn tay		<p>- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm</p> <p>AT: Nhận ra một số nơi lao động, dụng cụ lao động có hại, hoặc có thể gây nguy hiểm cho thân thể</p> <p>CS22,28: * <i>Chú ý nghe cô,</i></p>	Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	- Giữ gìn, bảo vệ sách.			<p>- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi đép, giày khi đi học.</p>

									<i>bạn nói (3,4T)</i>				
11	18 - 22/11	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m	KPXH 20/11 Ngày hội của thầy, cô giáo	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân (phía phải - phía trái)		Vì sao mèo rửa mặt	Gấp cái ví		CS 40: * Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. - Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc SK: Biết gọi người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.				
												CS 21: * Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng" CS 16: * Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: "Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ".(3T)	- Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn.

12	25 - 29/11	Ôn 3 VD: Bò bằng bàn tay, bàn chân; Bật xa; Ném xa bằng 2 tay	KPXH Một số dụng cụ của ghè y		Thơ: Chiếc cầu mới	Em đi qua ngã tư đường phố	Vẽ ngôi nhà (Đề tài)	CS 30: * Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân (3T) SK: Phòng tránh bệnh theo mùa	- In chân, in tay				CS 8: * Có một số hành vi tốt trong ăn uống : Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốt, nhai kĩ, khôn g cười đùa khi ăn	- Không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn CS 31: * Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	
13	2/12 - 6/12	CS 1. Tung bắt bóng với người đối diện	KPXH Công việc của thợ xây	- Xác định được vị trí của đồ vật so với bạn khác (phía trước - phía sau;	Thơ: Các cô thợ		Nặn vòn g đeo tay (Đề tài)		- Gập, mở, búng ngón tay AT: An toàn khi sử dụng đồ chơi trong lớp, ngoài trời						

18	6 - 10/1	- Ném trúng đích đứng bằng 1 tay	KPKH Cá rô phi	-- Gộp hai nhóm đối tượng tạo số lượng 4, đếm		Cá vàng bơi	Vẽ con bướm (Đề tài)							DD: Nhận ra một số thực phẩm có nguồn gốc được chế biến từ động vật	- Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh CS14: * Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao. CS11: * Đọc thuộc bài thơ, đồng dao...; (3T)
19	13 - 17/1	- Trườn theo hướng thẳng + Ném trúng đích đứng bằng 1 tay	KPKH Con ong	Tách 4 đối tượng thành 2 nhóm nhỏ và đếm		Con chuồn chuồn	Vẽ con gà (Đề tài)		Ném trúng đích đứng bằng 1 tay. AT: Phòng bệnh cho bản thân: Phòng tránh bị côn trùng đốt, cắn,...	- Chọn sách để xem.		- Giữ gìn vệ sinh môi trường		- Không ăn thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quả lạ, không uống rượu, bia, cà phê	

20	20 - 24/1	Ôn 3 vận động: Ném trúng đích đứng bằng 1 tay; Trườn theo hướng thẳng; Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.	KPXH Bánh, kẹo ngày Tết		Thơ: Cây đào	Sắp đến tết rồi	Xé dán quả (Ý thích)		- Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ g AT: Không leo trèo hái hoa bẻ cành.	CS 30 *Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. (3,4T) CS 24: *Gọi tên được đồ vật, cây cối, con vật theo đặc điểm nổi bật (3T)	CS 6: * Xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối. CS 4: * Xếp chồng 8-10 khối không đổ (3T)	
21	10/2 - 14/2	- Bật qua vật cản + Trườn theo hướng thẳng	KPKH Quả ổi	Nhận ra qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc (3 đối tượng)	Truyện: Nhỏ củ cải (Tiết 1)	Mùa xuân đến rồi		CS 10 * Nói rõ các tiếng (3T) - Không bẻ cành, hái hoa. - Kể lại truyện đã được nghe	Cách chăm sóc bảo vệ cây, hoa, rau, củ. (Tưới nước cho cây, hoa, nhổ cỏ vườn rau, cây cối,...)			
22	17 - 21/2	- Trèo lên, xuống 5 giống thang.	KPKH quả chuối	So sánh hình vuông, hình tam		Hoa trường em	Vẽ hoa (Đề tài)		- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê	- Chạy thay đổi hướng vận động		

- Nhận biết các bữa ăn	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường	

		thăng; Bật nhảy liên tục về phía trước; Ném trúng đích năm ngang.			(Tiết 2)		thức h		<i>tròn, hình chữ nhật. CS 29* Nhận dạng và gọi tên các hình: hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật (3T)</i>		sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,.. CS29: * <i>Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật) CS 23* Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ (3T)\</i>		món ăn hàng ngày và dạng ché biển số đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, kho, rán, ... gạo nấu cơm, nấu cháo; ...	SK: Uống nước đun sôi để nguội (Ăn chín uống sôi)	
--	--	---	--	--	-------------	--	-----------	--	--	--	--	--	---	--	--

24	3/3 - 7/3	- Trèo qua ghế dài.	KPXH Ngày hội của bà, mẹ và cô giáo 8/3		Thơ: Dán hoa tặng mẹ	Quà ngày 8/3	Vẽ mặt trời. (Đề tài)		- Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc			
25	10 - 14/3	- Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn	KPKH Rau mồng tơi	Chắp ghép các hình học để tạo thành hình mới		Múa đàn	Nặn quả ớt (Đề tài)		CS 13 <i>*Nghe hiểu nội dung câu chuyện, bài thơ đã được học</i>	Cách chăm sóc bảo vệ cây, hoa, rau, củ. (Tưới nước cho cây, hoa, nhổ cỏ vườn rau, cây cối,...) CS 2* <i>Chạy liên tục theo</i>	- Sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	

- Chắp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Không uống nước lã	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết DD: Nhận ra một số thực phẩm có nguồn gốc được chế biến từ thực vật	
	CS17: <i>* Kể lại sự việc theo trình tự.</i> CS12: <i>* Kể lại truyện đơn giản đã được nghe dưới sự giúp đỡ của người lớn (3T)</i>	

										<i>hướng thẳng 15 m trong 10 giây CS 1 * Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng (3T)</i>		
26	17 - 21/3	- Bật - nhảy từ trên cao xuống + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn	KPKH Xe đạp	Đo độ dài hai đối tượng bằng 1 đơn vị đo		Em đi qua ngã tư đường phố	Vẽ mưa (Đề tài)		- Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Bộ lộ cảm xúc phù hợp khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống		
27	24 - 28/3	Ôn 3 vận động: Trèo qua ghế dài; Bật nhảy từ trên cao xuống;	KPKH Xe máy	Đo dung tích hai đối tượng bằng 1 đơn vị đo		Em đi chơi thuyền	Gấp máy bay		Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua	<i>CS 24* Cố gắng hoàn thành công việc được</i>		

	- AT: Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, té ngã, chảy máu	

		Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn							giọng hát, nét mặt, điệu bộ. * Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc; (3T)		<i>giao (trực nhật, dọn đồ chơi). CS 18* Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...). (3T)</i>				
28	31/3 - 4/4	Tự đập, bắt bóng	KPKH Tàu thủy	Đếm đến 5, nhận biết các nhóm có 5 đối tượng, nhận biết chữ số 5		Em tập lái ô tô	Cắt dán tia nắng mặt trời		- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình <i>CS41:</i> * <i>Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ.</i>		'- Có hành vi như người đọc sách				SK: Ăn, ngủ đúng giờ (Ngủ trưa, tối ngủ sớm)

30	14 - 18/4	- Đi thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu theo vật chuẩn	KPXH Ban ngày		Truyện: Thỏ con ăn gì (Tiết 2)	Mây và gió	In hoa bằng ngón tay		- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh * 43: <i>Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích</i> * CS 33: <i>Nhận xét các sản phẩm tạo hình (3T)</i>	- Biết được không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với đời sống con người, con vật và cây cối	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích	- Phát triển các nhóm cơ và hô hấp (theo chương trình). Đi bằng gót chân, đi khuyu gối. (Kết hợp trong phần khởi động)

có hạt, SK: Uống nhiều nước		
	- Biết được sự khác nhau giữa ngày và đêm	SK: Giữ gìn vệ sinh cá nhân sạch sẽ (Tắm, gội hàng ngày)

31	21 - 25/4	- Bò dích dắc qua 5 điểm + Trèo qua ghé dài	KPKH Những viên sỏi kì diệu	Gộp hai nhóm đối tượng tạo số lượng 5 và đếm	Thor: Hỏi mẹ	Lý cây xanh					- Phát triển các nhóm cơ và hô hấp (theo chương trình). Đi bằng gót chân, đi khuyu gối. (Kết hợp trong phần khởi động)	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tia chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì)	- Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể nước,... là nơi nguy hiểm không được chơi gần	- Không để nước tràn khi rửa tay
32	28/4 - 2/5	- Ôn 3 VĐ: - Bò dích dắc qua 5 điểm + Trèo qua ghé dài + Đi thay đổi hướng vận động đúng tín	KPKH Sự kì diệu của nước			Vẽ theo ý thích h Vẽ					- Phát triển các nhóm cơ và hô hấp (theo chương trình). Đi bằng gót	* CS 22. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc	KN: Sử dụng nước tiết kiệm và an toàn: không nghịch phá nước trong bếp, trong	

		hiệu theo vật chuẩn							đất, đá, cát,.. không ném cát sỏi đất đá vào người khác,			chân, đi khuyu gôi. (Kết hợp trong phần khởi động)			nhà tắm.
33	5 - 9/5	- Bật tách chân, khép chân.	KPXH Công viên Đăk Tô	Tách 5 đôi tượng thành 2 nhóm nhỏ bằng các cách khác nhau, đếm	Thơ: Đi nắng	Cho tôi đi làm mưa với			- Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa) * CS 27: <i>Tách một nhóm đôi tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm (3T)</i> * CS 37: <i>Tách một nhóm đôi tượng thành 2 nhóm nhỏ</i>			- Phát triển các nhóm cơ và hô hấp (theo chương trình). Đi bằng gót chân, đi khuyu gôi. (Kết hợp trong phần khởi động)	AT: Cách nhận biết và bảo vệ bản thân an toàn khi tham gia các lễ hội tại địa phương: không đi theo người lạ, không tự ý nhận quà của người lạ,...		

									* CS 35: Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương					
34	12 - 16/5	- Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân	KPXH Bác Hồ kính yêu	Đếm đến 10 và đếm theo khả năng		Cả tuần đều ngoan	Cắt dán con cá		- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. * CS 36: Đếm trên đôi tượng trong phạm vi 10. * CS 26: Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. (3T) * CS 26: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ * CS 20: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ - Thể hiện tình cảm	- Biết tết sợi đôi.		- Phát triển các nhóm cơ và hô hấp (theo chươn g trình). Đi bằng gót chân, đi khuyu gối. (Kết hợp trong phần khởi động)	SK: Biết sử dụng đồ dùng đúng cách trong ăn uống để đảm bảo vệ sinh: Dùng thìa/ đũa và bát khi ăn cơm, dùng ly uống	- Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày

35	19 - 23/5	<p>Ôn 3 VD: Chuyền bắt bóng qua chân; Ném xa bằng 2 tay; Nhảy lò cò</p>	<p>KPXH Ngày hội Bé vào hè</p>	<p>Đếm đến 10 và đếm theo khả năng</p>	<p>Thơ: Hồ sen</p>	<p>Đường em đi</p>	<p>Xé dán mặt trời và nhữ ng đám mây (Đề tài)</p>	<p>* CS 15. Sử dụng được các câu đơn, câu ghép. (3T) * CS 20. Sử dụng được các câu đơn, câu ghép</p>		<p>- Nhận dạng một số chữ cái.</p>	<p>- Phát triển các nhóm cơ và hô hấp (theo chươn g trình). Đi bằng gót chân, đi khuyu gối. (Kết hợp trong phần khởi động)</p>		<p>- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau SK: Biết một số thực phẩm không tốt cho sức khỏe: ăn lá mì/ củ mì/ củ khoai sống, uống rượu ghè, uống nước chưa nấu sôi,...</p>	
----	-----------	---	--	--	----------------------------	------------------------	---	--	--	--	--	--	--	--

3.2 Chủ đề hoạt động giáo dục trẻ 4-5 tuổi

TT	Chủ đề	Ghi chú
1	Trường Mầm non	
2	Tết trung thu	
3	Bản thân	
4	Gia đình	
5	Nghề nghiệp	
6	Ngày 20/11	
7	Thế giới động vật	
8	Thế giới thực vật	
9	Tết Nguyên Đán	
10	Ngày 8/3	
11	Phương tiện giao thông	
12	Hiện tượng tự nhiên	

13	Quê hương- đất nước	
14	Bác Hồ	
15	Bé vào hè	

3.3. Phân bổ thời lượng hoạt động giáo dục theo độ tuổi

TT	Môn học theo lĩnh vực	Số tiết	Ghi chú
1	Phát triển thể chất	35	
2	Phát triển nhận thức	60	
	+ Khám phá	35	
	+ Toán	25	
3	Phát triển ngôn ngữ	25	
	+ Kể chuyện	10	
	+ Thơ	13	
	+ Đồng dao	2	
4	Phát triển thẩm mỹ	55	
	+ Âm nhạc	27	
	+ Tạo hình	28	
	Tổng cộng	175	

3.4 Khung thời gian hoạt động năm học 2024 – 2025

- Khối chồi (4-5 tuổi)

Thời gian	Nội dung	Ghi chú
6h30 - 7h30	Đón trẻ, chơi (60')	

Thời gian		Nội dung	Ghi chú
Sáng	7h30 – 8h00	Chơi, điểm danh, Thẻ đục sáng (30’)	
	8h00 – 8h35	Hoạt động ngoài trời (35’)	
	8h35– 8h50	Vệ sinh (15’)	
	8h50 – 9h25	Học (35’)	
	9h25 – 10h10	Chơi (Hoạt động ở các góc) (45’)	
	10h10– 10h30	Vệ sinh, chuẩn bị ăn trưa (20’)	
	10h30 – 11h30	Ăn trưa (60’)	Dịch vụ theo thỏa thuận với CM trẻ
	11h30 – 11h40	Nghỉ ngơi, thư giãn (10’)	
	11h40 – 14h00	Ngủ trưa (140’)	Dịch vụ theo thỏa thuận với CM trẻ
Chiều	14h00 - 14h40	Vệ sinh, ăn xế (40’)	
	14h40 - 16h00	Chơi, hoạt động theo ý thích, ôn luyện (80’)	
	16h00 - 17h00	Vệ sinh, nêu gương bé ngoan, trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ (60’)	

- Lớp MG 3, 4 tuổi Khối 1:

Thời gian		Nội dung	TCTV	Ghi chú
Sáng	7h00 - 7h30	Đón trẻ (30’)	Lồng ghép	
	7h30 – 8h00	Chơi, điểm danh, Thẻ đục sáng (30’)		
	8h00 – 8h30	Chơi ngoài trời (30’)		
	8h30 – 8h50	Tăng cường Tiếng Việt (20’)		
	8h50 – 9h25	Học (35’)		
	9h25 – 10h10	Chơi, hoạt động ở các góc (45’)		
	10h10– 10h30	Vệ sinh, chuẩn bị ăn trưa (20’)	Lồng ghép	
	10h30– 11h30	Ăn trưa (60’)		Trẻ đem cơm
	11h30– 11h40	Nghỉ ngơi, thư giãn (10’)		

Thời gian		Nội dung	TCTV	Ghi chú
	11h40 – 14h00	Ngủ trưa (140’)		
Chiều	14h00 - 14h30	Vệ sinh (30’)		
	14h30- 14h55	Tăng cường Tiếng Việt (25’)		
	14h55 - 15h 45’	Chơi, hoạt động theo ý thích, ôn luyện (50’)		
	15h 45’-16h00	Vệ sinh, Nêu gương bé ngoan (15’)		
	16h00 – 16h30	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ (30’)		

IV. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TỔ MG 4-5 TUỔI NĂM HỌC 2024 - 2025

1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục phát huy tốt tinh thần chủ động trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục, linh hoạt, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ trong trường, lớp; thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDMN;

- Giáo viên tự học, tự rèn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và mục tiêu của kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường;

- Duy trì nề nếp, dân chủ, đoàn kết trong các hoạt động của tổ; tích cực tham gia, thực hiện, sáng tạo nâng cao chất lượng thực hiện chuyên đề “*Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025*”; phát triển chương trình theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm; ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động; Tiếp tục làm tốt công tác hỗ trợ, tuyên truyền để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng, các bậc cha mẹ trẻ và của xã hội đối với sự phát triển của tổ nói riêng, Nhà trường nói chung;

- Thực hiện thường xuyên công tác truyền thông nhằm chuyển tải kịp thời, đầy đủ nhất về các hoạt động của lớp của tổ đến cha mẹ trẻ và cộng đồng;

- Thực hiện tốt chủ đề năm học “*Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm*”

- Tổ chức các hình thức, biện pháp giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khoẻ; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khoẻ, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế; phối hợp chế độ dinh dưỡng và vận động phù hợp đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì.

- Tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo hướng “chơi mà học, học bằng chơi” chú trọng làm mới môi trường, hình thức, phương pháp giáo dục, nhằm tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ và thoải mái, Kết hợp hài hoà giữa giáo dục trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lý các hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi, khả năng của từng trẻ, với nhu cầu hứng thú của trẻ với điều kiện thực tế.

- Thiết kế, xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học nhằm đáp ứng nhu cầu, tạo hứng thú vui chơi và trải nghiệm của trẻ; xây dựng môi trường giáo dục và tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục LTLTT. Duy trì tốt việc thực hiện quan sát trẻ theo quá trình, xác định rào cản và áp dụng các hành động để nâng cao cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ trong các hoạt động giáo dục. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ theo tinh thần động viên, khuyến khích, đảm bảo xây dựng cho trẻ sự tự tin, hứng thú, kịp thời hỗ trợ giáo viên xây dựng và điều chỉnh kế hoạch phù hợp với sự phát triển của trẻ, với tình hình thực tế của nhà trường.

- Đối với trẻ lớp mẫu giáo ghép 3,4 tuổi tăng cường tiếng việt cho trẻ theo kế hoạch, tạo môi trường chữ viết đa dạng, phù hợp nội dung, phù hợp độ tuổi, giáo viên thường xuyên trò chuyện với trẻ, tạo cơ hội cho trẻ được trao đổi nhiều trong các hoạt động, thường xuyên cho trẻ hát, đọc thơ, nói nội dung bức tranh, kể tên đồ dùng, đồ chơi trong lớp, các góc chơi. Tạo điều kiện cho trẻ chủ động tham gia vào các hoạt động, thường xuyên động viên, khuyến khích, tuyên dương trẻ, tạo cho trẻ có tinh thần tự tin, mạnh dạn.

2. Chỉ tiêu năm học

2.1. Đối giáo viên

- 100% giáo viên hưởng ứng và cam kết thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua. Thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nhà nước, của ngành, nội qui nhà trường, đảm bảo nề nếp, kỷ cương. Không có GV vi phạm đạo đức nhà giáo, chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

- 100% GV xây dựng chương trình, kế hoạch phân đầu cụ thể nhằm thực hiện tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn; tham gia đầy đủ các hoạt động của nhà trường.

- 100% giáo viên thường xuyên làm mới môi trường theo chủ đề, làm tốt công tác huy động cha, mẹ trẻ đóng góp nguyên liệu, học liệu có sẵn tại địa phương.

- 100% giáo viên giảng dạy vùng dân tộc thiểu số đưa văn hoá địa phương vào trường học, thiết kế đa dạng môi trường tăng cường tiếng việt.

- Chất lượng giờ dạy đạt yêu cầu trở lên, trong đó có 90% trở lên đạt khá, giỏi.

- Giáo viên thiết lập hồ sơ điện tử có chất lượng, khai thác có hiệu quả kho học liệu dùng chung.

- 100% GV chuẩn bị đầy đủ đồ dùng phục vụ cho các hoạt giáo dục, hoạt động chơi trên lớp.

- 100% các lớp tham gia các hội thi do trường tổ chức.

- 100% được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, trong đó có 85% đạt khá, ít nhất 30% đạt tốt.

- 100% giáo viên đáp ứng nhu cầu về công nghệ thông tin trong thời kỳ công nghệ số.

2.2. Đối với trẻ

- Huy động tối đa trẻ trong độ tuổi ra lớp.

- Duy trì sĩ số đạt 100%.

- 100% trẻ DTTS được tăng cường tiếng việt. Nói thạo tiếng việt, mạnh dạn, tự tin, khoẻ mạnh

- Trẻ được khám sức khoẻ cho trẻ 02 lần/năm và 100% trẻ được theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng.

- Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở thể nhẹ cân và thấp còi, tăng tỉ lệ trẻ phát triển bình thường trên 95, 34% trở lên.

Khổng chế trẻ thừa cân, béo ph

- Đảm bảo 100% trẻ được theo dõi, tiêm chủng, tổ chức uống sữa, cung cấp chất dinh dưỡng thông qua khẩu phần ăn tại gia đình và nhà trường theo chuyên môn y tế.

- 100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất, tinh thần trong trường; 100% trẻ có thói quen, nề nếp vệ sinh tốt.

- Đảm bảo chế độ sinh hoạt cho trẻ theo chương trình GDMN, phân đầu trẻ đạt các mục tiêu của chương trình GDMN đạt 95%.

- Hoàn thành 100% các hội thi và hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm cho trẻ.

2.3. Công tác thi đua

a. Đối với cá nhân

* Giáo viên

- Chiến sĩ thi đua: 2 giáo viên
- Lao động tiên tiến: 4 giáo viên
- Đề nghị UBND tỉnh khen: Với những cá nhân đủ điều kiện

Danh sách cụ thể:

ST T	Tên giáo viên	Danh hiệu	Cấp khen	Hình thức
1	Phan Thị Tuệ	LĐTT- CSTĐCS	UBND huyện/Tỉnh	Chứng nhận
2	Nguyễn Thị Trang	LĐTT	UBND huyện	Chứng nhận
3	Trương Thị Xuân Gân	LĐTT- CSTĐCS	UBND huyện	Chứng nhận
4	Lò thị Thanh Minh	LĐTT	UBND huyện	Chứng nhận
5	Y Ngọc Huyền	LĐTT	UBND huyện	Chứng nhận
6	Nguyễn Thị Kim Thanh	LĐTT	UBND huyện	Chứng nhận

*Trẻ:

- Tỷ lệ đạt bé ngoan, bé ngoan xuất sắc đạt 95% trở lên

3. Các giải pháp thực hiện

3.1 Thực hiện chuyên đề của tổ:

TT	Tên chuyên đề	Thời gian	Hình thức	Đối tượng	Ghi chú
1	Hướng dẫn một số ứng dụng công nghệ thông tin, trong tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non	Tháng 11/2024	Thực hành, trao đổi ý kiến	Giáo viên trong tổ	Thực hiện theo kế hoạch nhà trường
2	Hướng dẫn giáo dục stem/steam	Tháng 11/2024	Thực hành, trao đổi ý kiến	Giáo viên trong tổ	
3	Hướng dẫn một số ứng dụng công nghệ thông tin, trong tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non	Tháng 11/2024	Bồi dưỡng trao đổi ý kiến	Giáo viên trong tổ	
4	Kỹ năng sử dụng môi trường theo quan điểm LTLTT, khai thác tối đa đồ dùng, học liệu, môi trường chữ viết	Tháng 01/2025	Bồi dưỡng trao đổi ý kiến	Giáo viên trong tổ	

3.2. Các hội thi trong năm:

TT	Tên chuyên đề	Thời gian	Hình thức	Đối tượng	Ghi chú
1	Thi giáo viên dạy giỏi cấp trường	Tháng 10/2024	Thực hành	Giáo viên trong tổ	Thực hiện theo kế hoạch nhà trường
2	Thi Thiết kế đồ dùng, đồ chơi(thiết kế 1 đồ dùng, đồ chơi, thuyết trình cách sử dụng, áp dụng vào hoạt động, khai thác triệt để đồ dùng.	Tháng 11/2024	Thực hành	Giáo viên trong tổ	

4. Tổ chức thực hiện:

4.1 Đối với tổ trưởng chuyên môn:

- Căn cứ vào kế hoạch của nhà trường, kế hoạch chuyên môn tổ trưởng xây dựng kế hoạch phù hợp với tình hình đặc điểm của tổ, bám sát kế hoạch Nhà trường, kế hoạch chuyên môn, đảm bảo tính hiệu quả cao nhằm thực hiện đạt kết quả tốt nhất các chỉ tiêu đề ra; đồng thời chỉ đạo trực tiếp các thành viên trong tổ thực hiện các kế hoạch do Nhà trường, tổ chức phân công.

- Theo dõi quá trình thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch, công tác chăm sóc giáo dục của các thành viên, phối hợp với các tổ trong trường trong việc nâng cao chuyên môn, xây dựng môi trường.

- Thực hiện công nghệ số trong việc lập, lưu trữ hồ sơ, triển khai, đánh giá kế hoạch tổ.

- Triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra, giám sát và đánh giá chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch của từng thành viên và của tổ; chịu trách nhiệm về kết quả của tổ, báo cáo kịp thời các diễn biến trong tổ với Ban giám hiệu, chuyên môn.

- Phối hợp tốt với các tổ, bộ phận, cha mẹ trẻ nhằm nắm bắt kịp thời các thông tin để có định hướng phù hợp trong việc chỉ đạo tổ thực hiện nhiệm vụ và làm công tác truyền thông, đồng thời đề xuất nhà trường các giải pháp nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động khác.

4.2 Giáo viên trong tổ

- Căn cứ Kế hoạch giáo dục năm học của chuyên môn, của tổ chuyên môn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục năm học của nhóm lớp mình; xây dựng kế hoạch giáo dục chủ đề; xây dựng kế hoạch giáo dục tuần, ngày. Tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo Kế hoạch và điều chỉnh phù hợp. Tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp; làm đồ dùng dạy học; khai thác và sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ quá trình giáo dục; tham gia các phong trào, hoạt động chuyên môn do trường và ngành phát động

- Thực hiện nghiêm túc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho mọi trẻ

- Báo cáo kết quả thực hiện với tổ chuyên môn, nhà trường, đề xuất các giải pháp thực hiện kế hoạch.

- Tham gia học tập, tập huấn, hội thảo nâng cao chuyên môn khi được triệu tập

- Thực hiện nghiêm túc quy tắc ứng xử, xây dựng môi đoàn kết, hợp tác cao.

- Phối hợp chặt chẽ với các thành viên trong tổ, trong nhà trường và cha mẹ trẻ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thông tin hai chiều, thường xuyên, kịp thời tới cha, mẹ trẻ về tình hình sức khỏe, học tập của trẻ; chương trình GDMN; Phổ cập trẻ mầm non, chương trình GDMN mới;

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ trường mầm non, các quy định pháp luật khác, có liên quan (Luật lao động, Luật viên chức, Luật giáo dục....)

4.3. Đối với cha mẹ trẻ:

- Cha mẹ hoặc người giám hộ có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc, tạo điều kiện cho con hoặc người được giám hộ được học tập, thực hiện phổ cập giáo dục, rèn luyện, tham gia các hoạt động của nhà trường; tôn trọng nhà giáo, không được xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo.

- Phối hợp chặt chẽ với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tham gia tích cực các hoạt động của trường, của lớp tạo sự gắn kết chặt chẽ các môi trường giáo dục nhằm giúp trẻ phát triển tốt về mọi mặt; Tham gia hoạt động giáo dục theo kế hoạch của nhà trường.

- Tiếp nhận thông tin về kết quả học tập, rèn luyện của con hoặc người được giám hộ một cách tích cực; thường xuyên nắm bắt, trao đổi thông tin giữa giáo viên và gia đình, giữa gia đình và giáo viên.

- Cùng với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động các bậc cha mẹ, các tổ chức xã hội chung tay xây dựng trường, lớp, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học 2024-2025 .

Trên đây là kế hoạch giáo dục tổ mẫu giáo 4-5 tuổi năm học 2024-2025. Trong quá trình thực hiện có bổ sung, thay đổi nội dung, chỉ tiêu, tổ trưởng sẽ xin ý kiến chỉ đạo của Nhà trường và có thông báo cụ thể về các thành viên trong tổ./.

Nơi nhận:

- HT, P.HT(b/c);
- GV trong tổ (t/h);
- Lưu tổ CM.

DUYỆT CỦA BGH NHÀ TRƯỜNG
HT

TỔ TRƯỞNG



Phan Thị Tuyết

Phạm Thị Ánh Tuyết

